

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 331/2023/DS-PT

Ngày 22 - 9 - 2023

V/v: “Kiện đòi tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Kim Khánh

Các Thẩm phán: Ông Y Phi Kbuôr

Ông Vũ Văn Tú

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Việt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk tham gia phiên tòa:
Ông Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 229/2023/TLPT-DS ngày 02/8/2023 về việc: “*Kiện đòi tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 82/2023/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đăk Lăk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 276/2023/QĐPT-DS ngày 25 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Bích K.

Địa chỉ: Số A đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Minh H.

Địa chỉ: Số E đường A, thôn A, xã C, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk.

*** Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị H1.

Địa chỉ: Số G đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị Kim T.

Địa chỉ: Số H đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phan Minh H trình bày:

Bà Trần Thị Bích K và bà Nguyễn Thị H1 là bạn bè với nhau. Bà H1 làm

nghề cho vay trả góp và vay lãi suất cao. Năm 2015, bà K bán nhà có một số tiền lớn chưa biết đầu tư vào lĩnh vực nào cho sinh lời. Bà H1 biết bà K có tiền nên bà H1 đề xuất bà K góp vốn với bà H1 để bà H1 cho vay, lấy lãi chia nhau. Nhận thấy bà H1 làm ăn uy tín nên bà K đã đồng ý. Vào ngày 11/5/2015, bà K nộp vào tài khoản số 101010004239021 của Bà H1 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần C, chi nhánh Đ (gọi tắt là V) số tiền là 3.000.000.000 (Ba tỷ đồng), với lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, thời hạn góp vốn không xác định thời hạn.

Sau khi nhận tiền của bà K, bà H1 không chia lãi, không hoàn trả vốn góp và có dấu hiệu chiếm đoạt tài sản của bà K nên bà K phải thực hiện việc vay lại của bà H1 nhằm cân trừ số tiền bà H1 đã nhận của bà K. Cụ thể, bà K vay của bà H1 03 lần: Lần 1 ngày 01/8/2017 vay 1.300.000.000 đồng, lần 2 ngày 08/8/2017 vay 480.000.000 đồng, lần 3 ngày 30/4/2018 vay 700.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền bà K vay bà H1 là 2.480.000.000 đồng. Tại bản án DSST số 162 ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đã tuyên xử: Buộc bà Trần Thị Bích K phải trả cho bà Nguyễn Thị H1 số tiền là 2.590.221.000 đồng và tách yêu cầu phản tố của bà K để giải quyết bằng một bản án khác.

Bà K đã nhiều lần yêu cầu bà H1 hoàn trả số tiền trên nhưng không có kết quả. Ngày 03 tháng 10 năm 2022, bà K khởi kiện yêu cầu bà H1 phải trả lại cho bà K số tiền 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng) và lãi suất từ ngày 11/5/2015 đến nay theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện cho nguyên đơn ông Phan Minh H rút yêu cầu tính lãi suất, chỉ yêu cầu bà H1 trả lại cho bà K số tiền 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng).

Quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Vũ Thị Kim T trình bày:

Nguyên đơn bà K khai bà K có tham gia góp vốn với bà H1 số tiền 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng), đã được chuyển khoản vào tài khoản của bà H1 vào ngày 11/5/2015 là không đúng. Đây là số tiền bà K vay của bà H1 để đáo hạn khoản tiền vay của bà K theo lời của bà K nói với bà H1, bà K vay ngân hàng nên đến thời hạn thì phải trả nợ cho ngân hàng. Khi xong việc, có tiền thì bà K chuyển khoản vào của bà H1 vào số tài khoản của bà H1 vào ngày 11/5/2015. Khi bà K trả nợ bà H1 số tiền trên thì hai bên đã tắt toán nợ và xé giấy vay. Khoản vay bà H1 khởi kiện bà K là các giấy vay nguyên đơn bà K trình bày đã được giải quyết bằng một bản án khác của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

Nay nguyên đơn bà K khởi kiện yêu cầu bà H1 trả số tiền 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng) là không có căn cứ, bà H1 không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 82/2023/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 220, khoản 1 Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều

273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 166 của Bộ luật dân sự 2015; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Bích K. Buộc bà Nguyễn Thị H1 phải trả cho bà Trần Thị Bích K 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị H1 92.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Trần Thị Bích K được nhận lại 46.000.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2021/0021633, ngày 17 tháng 10 năm 2022.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/6/2023, bị đơn bà Nguyễn Thị H1 có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 82/2023/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên tòa phúc thẩm, phía bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như nội dung đơn kháng cáo đã trình bày ở cấp sơ thẩm. Phía nguyên đơn bà Trần Thị Bích K đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên Quyết định của Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bà Trần Thị Bích K chuyển tiền cho bà Nguyễn Thị H1 nhưng nội dung chuyển tiền không nêu rõ mục đích, bà K cho rằng chuyển tiền cho bà H1 nhằm mục đích góp vốn để kinh doanh nhưng lại không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh. Bà K chuyển tiền cho bà H1 vào ngày 11/5/2015 nhưng bà H1 không hề phân chia lợi nhuận nhưng bà K cũng không khởi kiện đòi tiền bà H1, vào năm 2017 và năm 2018 bà K lại vay của bà H1 2.480.000.000 đồng trong khi theo bà K thì tại thời điểm đó bà H1 vẫn đang nợ bà K 3.000.000.000 đồng tiền gốc. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H1, sửa toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Bích K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài

liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H1 được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung kháng cáo của bị đơn:

Tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Bích K cho rằng số tiền 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng) là số tiền bà K góp vốn với bà H1 để bà H1 sử dụng số tiền đó để cho vay lấy lãi, số lãi chia cho bà K là 2%/tháng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bà K không cung cấp được tài liệu chứng minh việc thỏa thuận góp vốn giữa bà K với bà H1 về số tiền 3.000.000.000 đồng. Vì vậy, không có căn cứ để xác định giao dịch trên giữa bà K và bà H1 là giao dịch nhằm góp vốn để hợp tác kinh doanh.

Xét khoản tiền 3.000.000.000 đồng bà K chuyển cho bà H1 ngày 11/5/2015 với nội dung: “TRAN THI BICH KHUE CT” Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà K cho rằng số tiền trên là bà K góp vốn để làm ăn với bà H1 là chưa đủ căn cứ, bởi lẽ trong giấy chuyển tiền không thể hiện nội dung mục đích chuyển tiền, thời hạn góp vốn, lãi suất tức là chưa đủ điều kiện để xác lập Hợp đồng hợp tác theo Điều 504, Điều 505 Bộ Luật Dân sự và việc nguyên đơn cho rằng đây là khoản tiền góp vốn làm ăn không được phía bị đơn thừa nhận.

Mặt khác, khoản tiền 3.000.000.000 đồng do nguyên đơn chuyển cho bị đơn vào năm 2015, tuy nhiên, tới năm 2017, trong khi nêu theo như nguyên đơn trình bày thì bị đơn đang nợ nguyên đơn 3.000.000.000 đồng nhưng trong năm 2017, 2018 nguyên đơn lại vay của bị đơn số tiền là 2.480.000.000 đồng mà không khấu trừ đi khoản nợ trước đó là không phù hợp với thực tế. Nguyên đơn giải thích cho việc vay vào năm 2017 và 2018 là để lấy lại số nợ là không có cơ sở thực tiễn và pháp lý.

Vì vậy, có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Sửa toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 82/2023/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về nội dung buộc bà H1 phải trả cho bà K số tiền là 3.000.000.000 đồng.

[3] Về án phí:

3.1. Án phí sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Trần Thị Bích K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 92.000.000 đồng (Chín mươi hai triệu đồng).

3.2. Án phí phúc thẩm:

Do kháng cáo được chấp nhận nên bà H1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận toàn bộ đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị H1, sửa toàn bộ Bản án Dân sự sơ thẩm số 82/2023/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng Điều 221 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Bích K về việc buộc bà Nguyễn Thị H1 phải trả lại cho bà Trần Thị Bích K số tiền 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng).

2. Về án phí:

2.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Trần Thị Bích K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 92.000.000 đồng (Chín mươi hai triệu đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 46.000.000 đồng theo biên lai thu số AA/2021/0021633 ngày 17/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi khấu trừ, bà M còn phải nộp 46.000.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị H1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số AA/2022/0002817 ngày 19/6/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tp. B;
- Chi cục THADS tp. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Kim Khánh